

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư nâng cấp Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp Thành Nam tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ giấy chứng nhận đầu tư số 26121000020 chứng nhận lần đầu ngày 08/12/2019; chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 02/01/2014;

Căn cứ công văn số 7488/UBND-NN ngày 01/06/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị xin điều chỉnh báo cáo ĐTM nhà máy chế biến gỗ công nghiệp Thành Nam, tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Đầu tư nâng cấp Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp Thành Nam của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Nam tại Thông báo kết quả thẩm định số 1782/STNMT-BVMT ngày 09/03/2022; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 35/CV-MT ngày 06/4/2022 của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 365/Tr-STNMT ngày 28/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư nâng cấp Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp Thành Nam của Công ty TNHH

xây dựng và thương mại Thành Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Xuân và Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư nâng cấp Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp Thành Nam tại xã
Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH
xây dựng và thương mại Thành Nam.

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
 Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Thông tin chung dự án:

Đầu tư nâng cấp Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp Thành Nam tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Nam

+ Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Khánh Ninh

+ Chức danh: Giám đốc

+ Địa chỉ trụ sở chính: SN 135 đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

+ Điện thoại: 02373.867.274

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Dự án đầu tư nâng cấp Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp Thành Nam được thực hiện trên tổng diện tích đất 100.000 m² tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

+ Các hạng mục công trình gồm: Nhà điều hành; Xưởng xẻ; Xưởng ván thanh, ván ép, đánh bóng, chế tạo keo, nghiền nhiệt,... và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

+ Công suất sản xuất: Gỗ ván ép MDF: 120.000 m³/năm; Gỗ ép: 40.000 m³/năm; Gỗ ván thanh 20.000 m³/năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị máy móc để nâng công suất, 2.1.1. Các tác động môi trường chính

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước vệ sinh máy móc, thiết bị.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, bốc xúc.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công; chất thải rắn phát quang; đất rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị phục vụ thi công (dầu, mỡ thải, giẻ lau dính dầu, hộp đựng dầu).

2.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 987,96 lit/s (gồm nước mưa chảy tràn qua khu vực công trình, sân đường giao thông nội bộ; khu vực cây xanh). Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 0,5 m³/ngày; nước thải rửa tay chân khoảng 0,5 m³/ngày. Thành phần nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform, chất hoạt động bề mặt...

2.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu..Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,....

2.1.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 6,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải công nghiệp: Túi nilon, vỏ thùng đựng thiết bị khối lượng 37 kg/quá trình thi công; Chất thải từ quá trình thi công hệ thống XLNT: Đất thừa từ quá trình đào móng 285,6 m³; vật liệu rời rơi vãi 1,1 tấn.

2.1.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh, sửa chữa máy móc; thành phần gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng khoảng 6,0 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu nhớt thải khoảng 26 lít trong quá trình thi công.

2.1.6. Một số tác động môi trường khác:

- Tác động do tiếng ồn, độ rung.

- Tác động đến tiêu thoát nước mặt; tác động do dịch bệnh,...

2.2. Giai đoạn vận hành nhà máy

2.2.1. Các tác động môi trường chính

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước vệ sinh máy móc, thiết bị.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, hoạt động sản xuất gỗ ván ép, gỗ ván thanh, gỗ ép.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân; chất thải rắn trong quá trình sản xuất.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân dự án (bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy...); quá trình sửa

chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị phục vụ khai thác (dầu, mỡ thải, giẻ lau dính dầu, hộp đựng dầu); thùng đựng keo, dung môi, hóa chất... trong quá trình sản xuất.

2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước mưa chảy tràn (không chảy qua bãi chứa nguyên liệu): Lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 847,85 lit/s (*gồm nước mưa chảy tràn qua khu vực công trình, sân đường giao thông nội bộ; khu vực cây xanh*). Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước mưa chảy tràn (chảy qua bãi chứa nguyên liệu): Lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 342,05 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: Nguyên liệu gỗ rơi vãi, bụi gỗ, đất cát...

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân làm việc trong nhà máy với lưu lượng 7,0 m³/ngày đêm (nước thải từ tắm, rửa, giặt 3,0 m³/ngày; nước thải nhà vệ sinh 3,0 m³/ngày; nước thải ăn uống 1,0 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước vệ sinh công nghiệp: Khối lượng 1,0 m³/ngày đêm thành phần chủ yếu chất rắn lơ lửng...

- Nước làm mát bồn chứa nguyên liệu nấu keo: 9,1374 m³/ngày thành phần chủ yếu chất rắn lơ lửng...

2.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ xưởng sản xuất gỗ ván ép, ván thanh, xưởng nấu keo.... Thành phần chủ yếu: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, HCHO; C₆H₅OH,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò dầu tải nhiệt, lò hơi.... Thành phần chủ yếu: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, hệ thống cống rãnh thu gom thoát nước... Thành phần chủ yếu: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại Nhà máy với khối lượng khoảng 70 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất hữu cơ, giấy, bìa cát tông, giẻ vụn, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Chất thải phát sinh từ xưởng sản xuất ván ép là 12.068,42 kg/ngày. Thành phần gồm bụi, sản phẩm hỏng, nguyên liệu rơi vãi, xỉ tro từ lò dầu tải nhiệt 14 MW, lò dầu tải nhiệt 1,6 MW.

+ Chất thải phát sinh từ xưởng sản xuất gỗ ép là 93.824,24 kg/ngày. Thành phần gồm bụi, sản phẩm hỏng, nguyên liệu rơi vãi, xỉ tro từ lò hơi 6 tấn.

+ Chất thải phát sinh từ xưởng sản xuất ván thanh là 51.022,87 kg/ngày. Thành phần gồm bụi, sản phẩm hỏng, nguyên liệu rơi vãi, xỉ tro từ lò hơi 6 tấn/h.

2.2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại phát sinh do hoạt động của dự án khoảng 402 kg/năm. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, thùng đựng hóa chất...

2.2.6. Một số tác động do rủi ro, sự cố

- Tác động do tiếng ồn, độ rung của các thiết bị, máy móc: Mức độ ồn chủ yếu tác động đến cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy.

- Tác động đến giao thông đường bộ.

- Tác động do ô nhiễm nhiệt.

- Tác động làm mất an toàn lao động của công nhân: Do công nhân không tuân thủ biện pháp an toàn lao động trong quá trình sản xuất; xây dựng.

- Tác động do rủi ro, sự cố: Các rủi ro, sự cố có thể gặp gồm:

+ Mưa bão, thiên tai;

+ Sự cố cháy nổ;

+ Sự cố tai nạn lao động

+ Sự cố lò hơi; lò dầu tải nhiệt;

+ Sự cố ngộ độc thực phẩm;

+ Sự cố về nguồn nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị máy móc

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn**

- Nạo vét, khơi thông cống rãnh, tuyến thu gom nước mưa hiện có trong dự án; Nghiêm cấm công nhân vứt rác bừa bãi vào mương thoát nước của dự án.

- Cải tạo, khắc phục sự cố có hiện tượng nứt vỡ mương thoát nước ảnh hưởng việc tiêu thoát nước của dự án.

- Che chắn không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần các nguồn nước, thu gom dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu vào thùng chứa theo đúng quy định không để vương vãi xung quanh nhà máy.

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt**

- Sử dụng bể tự hoại 03 ngăn hiện trạng (40 m³/bể) dưới mỗi nhà vệ sinh để xử lý nước nhà vệ sinh; nước rửa tay chân xử lý sơ bộ qua bể tách rác sau đó thoát ra môi trường.

3.1.2. Về bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

- Lắp đặt các thiết bị nâng quy mô, công suất là các thiết bị mới.

- Yêu cầu cán bộ vệ sinh môi trường của nhà máy cuối ngày thu gom, tập kết rác thải về kho chứa rác thải, tránh việc tập kết rác tại xưởng của nhà máy.

- Xe vận chuyển được phủ bạt, chở không vượt quá tải trọng quy định.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

*** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt**

- Trang bị 01 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 50 lít đặt ngoài xưởng sản xuất để thu gom rác thải sinh hoạt. Sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và đưa đi xử lý theo quy định; tần suất thu gom 01 ngày/lần.

*** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn thi công**

- Chất thải phát sinh từ quá trình lắp đặt thiết bị được chủ đầu tư thu gom đưa về kho chứa chất thải thông thường (hiện trạng) diện tích 70 m² để lưu trước khi đơn vị chức năng đến vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

- Cát, đá rơi vãi được tận dụng làm vật liệu san nền tại dự án.

- Đất đào hệ thống xử lý nước thải được tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại được đưa về kho chứa chất thải nguy hại hiện có diện tích 70 m² để lưu chứa theo mã quy định. Chất thải nguy hại phát sinh được hợp đồng với các đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn (không chảy qua bãi chứa nguyên liệu)**

- Nước mưa chảy tràn trên mái công trình, sân đường giao thông nội bộ và trong khuôn viên Nhà máy (không chảy qua bãi chứa nguyên liệu) được thu gom bằng đường ống riêng sau đó dẫn vào hệ thống mương thu gom nước mặt xung quanh các nhà, xưởng với tổng chiều dài khoảng L = 825 m, kích thước: rộng 0,3m x sâu 0,4m, có nắp đậy bằng tấm đan bê tông; trên hệ thống mương thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng chặn trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

- Nước thải nhà vệ sinh: Được thu gom vào 03 bể tự hoại thể tích 40m³/bể; Nước thải nhà ăn: Được thu gom vào bể tách dầu mỡ hiện trạng có thể tích 1,5 m³; Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu, nước làm mát bồn chứa nguyên liệu nấu keo, nước vệ sinh công nghiệp được thu gom bằng hệ thống mương thu gom nước mưa (kích thước 300mm x 400mm), nắp đan bằng thép; toàn bộ các loại nước thải nêu trên được thu gom qua hố lắng thể tích 800 m³ và về hệ thống XLNT tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

- Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT tập trung, công suất 400 m³/ngày đêm:

Nước thải → Hố lắng → Keo tụ, tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng
Môi trường tiếp nhận.

Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTMT, cột B trước khi thải ra môi trường.

3.2.2. Về bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ công đoạn sấy, trải thảm, cắt tấm, mài cạnh..tại xưởng sản xuất ván ép được hút vào các ống thu bụi (tại các vị trí phát sinh bụi) qua hệ thống 03 tháp lọc bụi tay áo, sau đó đưa về bồn chứa nguyên liệu sản xuất ván ép;

- Bụi phát sinh từ công đoạn xẻ gỗ, cắt gỗ, mài cạnh, sản xuất ván thanh và bụi phát sinh từ công đoạn mài mặt của xưởng sản xuất gỗ ván ép được hút vào các ống thu bụi (tại các vị trí phát sinh bụi) qua hệ thống 02 tháp lọc bụi tay áo, sau đó đưa toàn bộ bụi làm nguyên liệu đốt cho lò dầu tải nhiệt 14 MW;

- Bụi phát sinh từ công đoạn xẻ gỗ, cắt gỗ, mài cạnh xưởng sản xuất gỗ ép được hút vào các ống thu bụi (tại các vị trí phát sinh bụi) qua hệ thống 02 tháp lọc bụi tay áo, sau đó đưa toàn bộ bụi làm nguyên liệu đốt cho lò dầu tải nhiệt 14 MW;

- Khí thải phát sinh từ nồi nấu keo được thu gom vào bình sinh hàn, tại bình sinh hàn khí thải được giảm nhiệt độ đột ngột, ngưng tụ tạo thành dòng lỏng thu hồi hơi formandehyde quay lại lò nấu keo;

- Khí thải từ nhà nấu keo, bố trí các chụp hút dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính, sau đó theo quạt hút thoát ra môi trường bằng ống thoát khí ở độ cao khoảng 15m.

- Bụi, khí thải phát sinh từ lò dầu tải nhiệt 14 MW và 02 lò hơi 6 tấn/h được thu gom vào buồng lắng bụi qua Xyclone lọc bụi sau đó thoát ra Ống thoát khí cao 25 m;

- Bụi, khí thải phát sinh lò dầu tải nhiệt 1,6 MW được thu gom qua Tháp giải nhiệt vào Xyclone sau đó thoát ra Ống thoát khí cao 25m;

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa 5,0lit đặt tại khu nhà nghỉ ca, nhà điều hành để thu gom rác thải sinh hoạt. Khu nhà bếp bố trí thùng rác 30 lit để thu gom, đưa đi xử lý, tái chế theo quy định của pháp luật.

- Rác thải công nghiệp: Phân loại tại nguồn, đối với bụi từ xưởng sản xuất ván ép sẽ tận dụng làm nguyên liệu sản xuất, bụi tại xưởng sản xuất ván thanh, sản phẩm ván thanh, ván ép hỏng tận dụng làm nguyên liệu đốt cho lò hơi, lò dầu tải nhiệt. Đối với tro xỉ sẽ thu gom đóng bao đưa về kho chứa chất thải để hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa 200 lít, sau đó đưa về kho chứa chất thải nguy hại diện tích 70 m² để lưu chứa theo mã quy định. Chất thải nguy hại phát sinh được hợp đồng với các đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do các sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải: thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý khí thải;

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Tại hệ thống xử lý nước thải tập trung sử dụng bể lắng làm bể ứng phó khi có sự cố xảy ra, đủ để lưu giữ lượng nước thải trong thời gian 02 ngày.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều ô lưu giữ chất thải khác nhau để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải, phòng ngừa xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định;

- Công tác phòng chống sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất: Nhà máy tiến hành lập biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo hướng dẫn tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương về việc quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

- Công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho khu vực xưởng sản xuất, nhà kho, văn phòng, nhà ăn... gồm: trụ cứu hỏa, hệ thống báo cháy tự động, bình chữa cháy, lăng vòi chữa cháy, lối thoát hiểm.... Phối hợp với phòng cảnh sát PCCC gần nhất để tập huấn công tác PCCC cho toàn thể cán bộ, công nhân nhà máy, định kỳ tiến hành tập huấn PCCC.

4. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

T	Công trình bảo vệ môi trường	Khối lượng
	Công trình xử lý mùi, khí thải, bụi	
	Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ các xưởng sản xuất	04 hệ thống
	Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò đốt hơi, lò dầu tải nhiệt	04 hệ thống
	Hệ thống xử lý khí thải nhà nấu keo	01 Hệ thống
	Công trình xử lý nước thải	
	Bể tự hoại 03 ngăn loại 40,0 m ³ /bể	03 bể
	Bể tách dầu mỡ 1,5 m ³ /bể	01 bể
	Hố lắng 800 m ³	01 hố
	Trạm XLNT tập trung công suất 400 m ³ /ngày.đêm	01 hệ thống
	Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ CTR	
	Thùng đựng rác loại 30lít/thùng	1 cái
	Thùng đựng rác loại 5lít/thùng	20 cái

	Kho chứa chất thải diện tích 283,6 m ²	01 kho
	Thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại	
	Thùng đựng CTRNH 200lit	02 cái
	Kho chứa CTNH diện tích 70 m ²	01 kho

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành

Giám sát chất lượng môi trường không khí, tần suất 03 tháng/lần

- Vị trí giám sát:

+ 02 vị trí tại tại ống khói lò hơi, trước khi thải ra môi trường; các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, Bụi, SO₂, NO₂, CO.

+ 01 vị trí tại ống khói lò dầu tải nhiệt 14 MW, trước khi thải ra môi trường; các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, Bụi, SO₂, NO₂, CO.

+ 01 vị trí tại ống khói lò dầu tải nhiệt 1,6 MW, trước khi thải ra môi trường; các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, Bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Quy chuẩn áp dụng đối với khí thải tại khu vực xưởng sản xuất

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Quy chuẩn áp dụng đối với chất lượng khí thải:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ QCVN20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ;

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Vận hành đầy đủ, liên tục các công trình xử lý chất thải và thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom và xử lý chất thải rắn trong suốt quá trình hoạt động.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường./.